

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 28-02-2019

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU - TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt

2. Bị đơn: ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: ấp X1, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-12-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M trình bày:

Trên cơ sở quen biết nên ngày 12-11-2017 đương lịch bà có cho ông Nguyễn Hữu T vay số tiền 30.000.000 đồng, có lập giấy mượn tiền do ông T ký tên giao bà giữ, ông T vay để chi phí cho gia đình, không thể chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 2.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày và thời hạn trả nợ là 07 ngày sau khi vay. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ thì ông T không trả mặc dù bà đã gặp yêu cầu trả tiền nhiều lần. Do đó, bà yêu cầu ông T trả số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Bà không yêu cầu vợ ông T cùng có nghĩa vụ trả tiền.

Bị đơn – ông Nguyễn Hữu T: Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không ghi lời khai; không tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai, kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông T đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định pháp luật. Đối với bị đơn đã được cấp, tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Kiểm sát viên không phát hiện có vi phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của bà M đối với ông T. Buộc ông T trả cho bà M số tiền nợ 30.000.000 đồng, ghi nhận bà M không yêu cầu ông T trả tiền lãi và không yêu cầu vợ ông T cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí: Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; bà M không phải chịu án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà M khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền vay là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Ông T có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, ông T đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T. Ông T phải chịu hậu quả của việc

không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà M thì thấy rằng: Giữa bà M và ông T đã giao kết với nhau hợp đồng dân sự vay tài sản thể hiện là “Giấy mượn tiền” ngày 12-11-2017 dl với số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, mặc dù ông T đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng ông T không đến Tòa án để xác định số tiền nợ. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do bà M cung cấp và qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định ông T còn nợ bà M số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận bà M không yêu cầu ông T trả tiền lãi và không yêu cầu vợ ông T cùng có nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà M không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự**; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với ông Nguyễn Hữu T. Buộc ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; ghi nhận bà M không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hữu T chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên cho bà M thì hàng tháng ông T còn phải trả cho bà M số tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số: 0021711 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hữu T được quyền

kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu